

A LEARNER – TEACHER NEEDS ANALYSIS OF THE ENGLISH RESEARCH METHODS COURSE AT A UNIVERSITY IN VIETNAM

Nguyen Thi Minh Loan

TNU - School of Foreign Languages

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	17/11/2025	This study investigates the needs of students and teachers regarding the Research Methods in English course at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University. A convergent mixed-methods design was employed, combining questionnaires, semi-structured interviews, and document analysis of curriculum learning outcomes from the English Education and English Language programs. Findings reveal that students recognize the importance of research competence but face difficulties applying theoretical knowledge in practice. Both students and teachers identified essential skills such as selecting research topics, formulating research questions, writing literature reviews, and applying research methods. However, students still lack academic vocabulary, research writing skills, and experience in structuring research reports. The analysis also shows gaps between current student competencies and expected outcomes defined in the curriculum learning outcomes. The study highlights the necessity and feasibility of developing localized, step-by-step learning materials to support students in achieving research competence aligned with program outcomes.
Revised:	31/12/2025	
Published:	31/12/2025	

KEYWORDS

Research methods
Needs analysis
Materials
Research competence
Academic writing

PHÂN TÍCH NHU CẦU NGƯỜI HỌC – NGƯỜI DẠY TRONG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh Loan

Trường Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	17/11/2025	Nghiên cứu phân tích nhu cầu của sinh viên và giảng viên đối với học phần Phương pháp Nghiên cứu Khoa học tiếng Anh tại Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên. Thiết kế nghiên cứu hỗn hợp song song hội tụ được áp dụng, kết hợp bảng hỏi, phỏng vấn bán cấu trúc và phân tích chuẩn đầu ra của hai chương trình đào tạo Sư phạm và Ngôn ngữ Anh. Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của năng lực nghiên cứu nhưng còn gặp khó khăn khi vận dụng lý thuyết vào thực hành. Các kỹ năng cốt lõi gồm chọn đề tài, đặt câu hỏi nghiên cứu, viết tổng quan tài liệu, thiết kế phương pháp và trình bày kết quả. Tuy nhiên, sinh viên vẫn thiếu vốn từ học thuật và kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu. Phân tích chuẩn đầu ra chỉ ra khoảng cách giữa năng lực hiện tại và năng lực kỳ vọng, khẳng định sự cần thiết của bộ học liệu địa phương hóa nhằm hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn năng lực nghiên cứu.
Ngày hoàn thiện:	31/12/2025	
Ngày đăng:	31/12/2025	

TỪ KHÓA

Phương pháp nghiên cứu
Phân tích nhu cầu
Tài liệu
Năng lực nghiên cứu
Viết học thuật

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14022>

Email: loannguyen.sfl@tnu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

436

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, việc phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh trở thành yêu cầu cốt lõi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo và nhu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Nhiều học giả nhấn mạnh rằng năng lực nghiên cứu đóng vai trò then chốt giúp sinh viên hình thành tư duy khoa học, phát triển khả năng viết học thuật và năng lực giải quyết vấn đề dựa trên dữ liệu [1]-[3]. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học tiếng Anh vì thế giữ vai trò nền tảng trong đào tạo đại học, đặc biệt khi sinh viên phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc tham gia các dự án nghiên cứu nhỏ. Tuy nhiên, thực tế triển khai tại Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên cho thấy học phần này còn gặp nhiều hạn chế: tài liệu giảng dạy chủ yếu dựa vào giáo trình nước ngoài, ngôn ngữ hàn lâm khó tiếp cận, thiếu ví dụ phù hợp với bối cảnh Việt Nam, và chưa phản ánh đặc thù người học. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa các lớp học khi mỗi giảng viên phải tự biên soạn tài liệu riêng, gây khó khăn cho sinh viên trong việc xác định đề tài, viết tổng quan tài liệu, đặt câu hỏi nghiên cứu và trích dẫn học thuật.

Về mặt lý thuyết, phát triển tài liệu được xem là một quá trình sư phạm có hệ thống, nhằm thiết kế, lựa chọn, điều chỉnh và đánh giá học liệu phục vụ cho việc dạy và học [4]-[6]. Theo khung lý thuyết kinh điển của Tomlinson [4], tài liệu hiệu quả cần đảm bảo tính phù hợp với người học, tính hấp dẫn, khả năng kích thích nhận thức và sự hỗ trợ có chủ đích trong phát triển năng lực. Graves [5] nhấn mạnh rằng mọi tài liệu phải gắn với mục tiêu khóa học và chuẩn đầu ra, đồng thời được phát triển theo chu trình linh hoạt gồm: phân tích nhu cầu – xác định mục tiêu – thiết kế nội dung – thử nghiệm – phản hồi – hoàn thiện. Trong chu trình đó, phân tích nhu cầu giữ vai trò nền tảng giúp xác định ba thành tố cốt lõi: những điều bắt buộc để đạt mục tiêu (necessities), những hạn chế hiện tại (lacks) và những mong muốn cụ thể (wants) [7]. Dewi và cộng sự [8] cho thấy rằng phân tích nhu cầu người học là yếu tố then chốt trong việc xác định các loại học liệu phù hợp để nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên trong môi trường đại học.

Trong nghiên cứu ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Anh, các công trình trước đây tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào đổi mới phương pháp hoặc nâng cao kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên, nhưng ít nghiên cứu tiếp cận từ góc độ phát triển tài liệu dựa trên phân tích nhu cầu. Hơn nữa, hầu hết các nghiên cứu chưa tích hợp phân tích chuẩn đầu ra (CĐR) – vốn đóng vai trò định hướng năng lực mà sinh viên phải đạt được – vào quá trình đánh giá nhu cầu học phần. Asim và cộng sự [9] nhấn mạnh rằng giáo dục theo định hướng chuẩn đầu ra (OBE) là xu hướng ngày càng được quan tâm trong giáo dục bậc đại học, với mục tiêu tổ chức các hoạt động dạy – học – đánh giá xoay quanh những kết quả học tập mong muốn của sinh viên thay vì phương pháp truyền thống. Quan điểm này phù hợp với lập luận nền tảng của Damayanti, Emaliana & Kusumawardani [10], những người nhấn mạnh rằng tiếp cận giáo dục theo định hướng chuẩn đầu ra (OBE) đặt trọng tâm vào kết quả học tập của người học và sử dụng tiêu chí này để đánh giá tính phù hợp của tài liệu giảng dạy, từ đó đảm bảo rằng nội dung, phương pháp dạy và đánh giá phản ánh đúng các kết quả mong muốn.

Chính vì vậy, nghiên cứu này tích hợp ba thành tố quan trọng nhu cầu người học, nhu cầu người dạy và yêu cầu năng lực trong CĐR để cung cấp cái nhìn toàn diện và dựa trên bằng chứng về thực trạng năng lực nghiên cứu của sinh viên. Thông qua khảo sát sinh viên, phỏng vấn giảng viên và phân tích CĐR, nghiên cứu xác định rõ khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng và năng lực hiện tại, từ đó đề xuất định hướng phát triển học liệu vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với bối cảnh của Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu trả lời ba câu hỏi sau:

Câu hỏi nghiên cứu 1: Những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học nào là cần thiết đối với sinh viên khi học học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học?

Câu hỏi nghiên cứu 2: Sinh viên hiện đang thiếu những gì so với chuẩn đầu ra của học phần?

Câu hỏi nghiên cứu 3: Sinh viên và giảng viên mong muốn tài liệu được biên soạn cần có những nội dung gì?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế hỗn hợp song song hội tụ (convergent mixed-methods design). Dữ liệu định lượng (bảng hỏi) và định tính (phỏng vấn bán cấu trúc) được thu thập đồng thời, phân tích riêng biệt, sau đó đối chiếu – tích hợp để trả lời các câu hỏi nghiên cứu và đề xuất hướng thiết kế học liệu. Bên cạnh đó, phân tích tài liệu (document analysis) được thực hiện trên chuẩn đầu ra (CDR) của hai chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh nhằm xác định các năng lực nghiên cứu cốt lõi và đối chiếu với kết quả điều tra, phỏng vấn để làm rõ khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng và năng lực thực tế của sinh viên.

2.2. Đối tượng tham gia

Đối tượng tham gia nghiên cứu bao gồm sinh viên và giảng viên tại Khoa Tiếng Anh, Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên. Về phía sinh viên, mẫu nghiên cứu gồm 100 sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư ngành Ngôn ngữ Anh, những người đã hoặc đang theo học học phần này. Do đặc điểm của nghiên cứu mang tính khảo sát nhu cầu thực tiễn trong một bối cảnh cụ thể, phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling) được sử dụng để thu thập dữ liệu từ các lớp học hiện có. Các sinh viên tham gia đều được thông báo rõ về mục đích nghiên cứu và tham gia trên tinh thần tự nguyện.

Bên cạnh đó, năm giảng viên trực tiếp phụ trách giảng dạy học phần cũng được mời tham gia phỏng vấn sâu. Nhóm giảng viên này được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích (purposive sampling), dựa trên các tiêu chí: có ít nhất hai năm kinh nghiệm giảng dạy học phần, am hiểu nội dung môn học và quá trình học tập của sinh viên, sẵn sàng chia sẻ ý kiến một cách trung thực và xây dựng. Tất cả các giảng viên đều được gán mã số (GV1 – GV5) nhằm đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân và sự khách quan trong quá trình xử lý dữ liệu.

Việc kết hợp hai nhóm đối tượng – sinh viên là người học và giảng viên là người dạy – giúp nghiên cứu có được cái nhìn hai chiều, toàn diện và cân bằng khi phân tích nhu cầu, khó khăn và mong đợi liên quan đến thiết kế học liệu cho học phần.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng ba công cụ chính để thu thập dữ liệu: bảng hỏi dành cho sinh viên, phỏng vấn bán cấu trúc dành cho giảng viên và phân tích tài liệu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Việc kết hợp ba công cụ này nhằm đảm bảo tính định lượng – định tính bổ trợ, vừa bao quát được xu hướng chung, vừa khai thác được chiều sâu trải nghiệm của người dạy.

2.3.1. Bảng hỏi sinh viên

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên khung lý thuyết cần thiết - thiếu hụt - mong muốn của Hutchinson và Waters [7]. Công cụ này gồm 20 phát biểu theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 – Hoàn toàn không đồng ý đến 5 – Hoàn toàn đồng ý), được chia thành ba nhóm tương ứng với nội dung sinh viên cần (necessities), những thiếu hụt trong năng lực hoặc điều kiện học tập (lacks) và những mong muốn cụ thể đối với học phần (wants). Trước khi phát hành chính thức, bảng hỏi đã được kiểm tra sơ bộ với 30 sinh viên để điều chỉnh từ ngữ, cấu trúc, và đảm bảo tính dễ hiểu. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm đều lớn hơn 0,80 (Nhu cầu bắt buộc $\alpha = 0,84$; Thiếu hụt $\alpha = 0,81$; Mong muốn $\alpha = 0,86$), chứng tỏ bảng hỏi có tính nhất quán nội tại cao.

2.3.2. Phỏng vấn bán cấu trúc giảng viên

Phỏng vấn bán cấu trúc được thiết kế gồm tổng cộng 8 câu hỏi, chia thành ba nhóm nội dung chính dựa trên mô hình “Nhu cầu bắt buộc - Thiếu hụt - Mong muốn” của Hutchinson & Waters [7]:

Nhóm 1: Nhu cầu bắt buộc tập trung khai thác các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu mà sinh viên cần đạt theo yêu cầu của học phần.

Nhóm 2: Thiếu hụt nhằm xác định những hạn chế, thiếu hụt và khó khăn sinh viên đang gặp phải so với chuẩn đầu ra.

Nhóm 3: Mong muốn khai thác đề xuất của giảng viên về học liệu, nội dung và hình thức hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

Cách phân bổ này giúp đảm bảo phỏng vấn bao quát đầy đủ ba khía cạnh cốt lõi của việc phân tích nhu cầu trong khi vẫn giữ độ dài gọn nhẹ, phù hợp với thời lượng phỏng vấn và yêu cầu nghiên cứu.

2.3.3. Phân tích tài liệu

Bên cạnh bảng hỏi và phỏng vấn, nghiên cứu còn sử dụng phân tích tài liệu như một công cụ thu thập dữ liệu bổ trợ. Cụ thể, các CDR của hai CTĐT Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên được xem xét và mã hóa nhằm xác định các năng lực nghiên cứu cốt lõi mà sinh viên cần đạt. Khung phân tích gồm các tiêu chí liên quan đến năng lực tư duy nghiên cứu, kỹ năng học thuật và kỹ năng triển khai đề tài. Các kết quả phân tích tài liệu được đối chiếu với dữ liệu từ bảng hỏi và phỏng vấn để làm rõ khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng và năng lực thực tế của sinh viên.

Đối với phỏng vấn giảng viên, dữ liệu được phân tích thông qua quy trình mã hóa theo chủ đề. Danh mục mã được xây dựng dựa trên ba nhóm nội dung chính của mô hình “Nhu cầu bắt buộc - Thiếu hụt - Mong muốn”. Mỗi nhóm gồm số lượng câu hỏi tương ứng và dữ liệu được mã hóa theo từng chủ đề để nhận diện các mẫu thông tin lặp lại, quan điểm chung và các đề xuất có ý nghĩa.

Đối với phân tích dữ liệu bảng hỏi, các số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê (SPSS/Excel). Các thống kê mô tả (Mean, SD, tỷ lệ phần trăm) được sử dụng để xác định mức độ quan trọng, mức độ khó khăn và mức độ mong muốn của sinh viên. Đồng thời, các kiểm định thống kê cơ bản (nếu cần) được sử dụng nhằm tăng độ tin cậy và tính khách quan của phân tích.

2.4. Quy trình thực hiện

Nghiên cứu được triển khai vào đầu học kỳ II năm học 2024–2025. Trước khi tiến hành thu thập dữ liệu của bảng hỏi và phỏng vấn, nhà nghiên cứu phân tích các CDR của hai CTĐT Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh nhằm xác định các năng lực nghiên cứu cốt lõi cần đạt. Bước này giúp hình thành khung tham chiếu để đối chiếu với dữ liệu thu được từ sinh viên và giảng viên. Sau đó, bảng hỏi được phát trực tiếp cho sinh viên tại lớp học sau khi họ đã hoàn thành hoặc đang học học phần Phương pháp Nghiên cứu khoa học. Phỏng vấn giảng viên được thực hiện riêng từng người, kéo dài 20–30 phút/buổi và có ghi âm (được sự đồng ý trước). Toàn bộ dữ liệu thu thập được mã hóa, ẩn danh và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

2.5. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng từ bảng hỏi sinh viên được xử lý bằng thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn, tỉ lệ phần trăm). Dữ liệu phỏng vấn từ giảng viên được phân tích theo quy trình sáu bước phân tích chủ đề (thematic analysis) của Braun và Clarke [11] bao gồm làm quen với dữ liệu, mã hóa ban đầu, tìm kiếm chủ đề, rà soát, đặt tên chủ đề và trích dẫn minh họa. Nhà nghiên cứu đã mời một đồng nghiệp là một chuyên gia đang giảng dạy học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cùng tham gia mã hóa, thảo luận để thống nhất chủ đề, từ đó đảm bảo độ tin cậy của phân tích. Kết quả từ hai nguồn dữ liệu được đối chiếu để xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa nhu cầu của sinh viên và giảng viên.

Ngoài dữ liệu từ bảng hỏi và phỏng vấn, nghiên cứu còn xử lý dữ liệu thu được từ phân tích các CDR liên quan đến năng lực nghiên cứu khoa học của hai CTĐT Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên. Kết quả phân tích CDR được đối chiếu với dữ liệu khảo sát và phỏng vấn để xác định rõ những khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng và năng lực hiện có của sinh viên, qua đó củng cố cơ sở cho việc đề xuất cấu trúc học liệu học phần.

3. Kết quả và Thảo luận

3.1. Kết quả

Dựa trên ba công cụ thu thập dữ liệu – bảng hỏi sinh viên và phỏng vấn giảng viên – kết quả được trình bày theo cấu trúc của bộ khung nhu cầu bao gồm “Nhu cầu bắt buộc - Thiếu hụt - Nhu cầu mong muốn”.

3.1.1. Kết quả từ bảng hỏi sinh viên

3.1.1.1. Nhu cầu về nội dung cần thiết

Bảng 1 cho thấy sinh viên đánh giá cao các nội dung cốt lõi của học phần Phương pháp nghiên cứu, với tất cả các mục đều có Mean trên 4,0. Viết tổng quan nghiên cứu (Mean = 4,38) và xác định đề tài nghiên cứu (Mean = 4,32) được xem là quan trọng nhất, phản ánh nhu cầu mạnh về kỹ năng định hướng và tổng hợp tài liệu. Viết câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu (Mean = 4,28) cũng được ưu tiên cao. Các kỹ năng mang tính kỹ thuật như tìm tài liệu học thuật (Mean = 4,21) và trích dẫn theo APA/MLA (Mean = 4,18) tuy có mức quan trọng thấp hơn nhưng vẫn được đánh giá tích cực. Nhìn chung, sinh viên ưu tiên các kỹ năng nền tảng để hình thành và phát triển đề tài, trong khi những kỹ năng kỹ thuật hỗ trợ được xem là ít cấp bách hơn.

Bảng 1. Nhu cầu về nội dung cần thiết

Nội dung	Mean	SD	% Đồng ý (4-5)
Xác định đề tài nghiên cứu	4,32	0,71	88%
Viết câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu	4,28	0,69	85%
Tìm và chọn nguồn tài liệu học thuật	4,21	0,75	82%
Viết tổng quan nghiên cứu	4,38	0,64	90%
Trích dẫn và viết tài liệu tham khảo (APA/MLA)	4,18	0,72	80%

3.1.1.2. Những thiếu hụt hiện tại

Bảng 2 cho thấy sinh viên gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nghiên cứu, với tỷ lệ đánh giá mức độ khó khăn cao từ 62%–72%. Khó khăn lớn nhất là không biết bắt đầu viết đề cương (72%), tiếp theo là thiếu bài nghiên cứu mẫu (70%) và nhầm lẫn giữa mục đích và câu hỏi nghiên cứu (67%). Các hạn chế khác gồm thiếu từ vựng/điển đạt học thuật (65%) và khó khăn khi trích dẫn, tránh đạo văn (62%). Nhìn chung, sinh viên còn thiếu kỹ năng về cấu trúc nghiên cứu, ngôn ngữ học thuật và kỹ thuật trích dẫn, gợi ý nhu cầu thiết kế học liệu và giảng dạy hỗ trợ phù hợp hơn.

Bảng 2. Những thiếu hụt hiện tại

Khó khăn gặp phải	% Mức độ cao/rất cao
Không biết bắt đầu từ đâu khi viết đề cương	72%
Thiếu bài nghiên cứu mẫu	70%
Nhầm lẫn giữa mục đích nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	67%
Hạn chế từ vựng học thuật và điển đạt tiếng Anh học thuật	65%
Khó khăn khi trích dẫn tài liệu và tránh đạo văn	62%

3.1.1.3. Mong muốn học liệu

Bảng 3 cho thấy sinh viên có nhu cầu cao đối với các dạng học liệu hỗ trợ môn Phương pháp nghiên cứu, với tất cả các mục đều có Mean trên 4,10. Trong đó, mẫu đề cương khoa học (Mean = 4,45) và bài nghiên cứu mẫu (Mean = 4,41) được ưu tiên hàng đầu, phản ánh mong muốn được tiếp cận các tài liệu mẫu để định hình cấu trúc và cách triển khai nghiên cứu. Tiêu chí chấm điểm rõ ràng (Mean = 4,36) đứng thứ ba, cho thấy sinh viên cần minh bạch trong đánh giá. Các nhu cầu khác như thuật ngữ nghiên cứu Anh-Việt (Mean = 4,22) và video minh họa quy trình nghiên cứu (Mean = 4,10) cũng được đánh giá tích cực, dù mức ưu tiên thấp hơn.

Bảng 3. Mong muốn học liệu (Wants)

Thành phần mong muốn	Mean	Ưu tiên
Mẫu đề cương khoa học	4,45	1
Ví dụ bài nghiên cứu mẫu	4,41	2
Tiêu chí chấm điểm rõ ràng	4,36	3
Thuật ngữ nghiên cứu Anh - Việt	4,22	4
Video bài giảng minh họa quy trình nghiên cứu	4,10	5

3.1.2. Kết quả từ phỏng vấn giảng viên

3.1.2.1. Những kiến thức/kỹ năng nghiên cứu cần thiết

Cả năm giảng viên đều thống nhất rằng sinh viên cần nắm chắc các kỹ năng cốt lõi của nghiên cứu khoa học như lựa chọn đề tài phù hợp, xác định vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, viết tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu và trích dẫn học thuật. Một giảng viên nhấn mạnh: “Nếu các em không biết chọn đề tài thì những bước sau gần như không thể làm được” (GV2). Một giảng viên khác khẳng định tầm quan trọng của tổng quan tài liệu và nghiên cứu trước đó: “Viết literature review là phần sinh viên sợ nhất nhưng cũng là phần quan trọng nhất của nghiên cứu” (GV4). Bên cạnh đó, sinh viên cần được hướng dẫn cách sử dụng tài liệu học thuật, xác định thiết kế nghiên cứu phù hợp (định tính, định lượng hoặc hỗn hợp), và trình bày trích dẫn theo chuẩn APA (Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ) hoặc MLA (Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại Hoa Kỳ).

3.1.2.2. Những hạn chế so với chuẩn đầu ra

So sánh với chuẩn đầu ra của hai CTĐT Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh cho thấy sinh viên trong nghiên cứu vẫn còn thiếu một số năng lực cốt lõi liên quan trực tiếp đến học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học. Cụ thể, sinh viên chưa vận dụng được kiến thức lý thuyết vào việc thiết kế và triển khai nghiên cứu, chưa thành thạo trong việc xác định vấn đề, mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu cũng như lựa chọn phương pháp phù hợp. Những hạn chế này cho thấy sinh viên chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực chuyên môn, đặc biệt là năng lực vận dụng kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thiết kế tài liệu học tập theo định hướng phát triển năng lực của chương trình Sư phạm tiếng Anh (CĐR 5, CĐR 6), cũng như năng lực vận dụng kiến thức cơ sở ngành vào hoạt động chuyên môn của chương trình Ngôn ngữ Anh (CĐR 3).

Bên cạnh đó, nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc sử dụng từ vựng học thuật và cấu trúc ngôn ngữ nghiên cứu, dẫn đến việc viết đề cương, tổng quan tài liệu và trình bày kết quả nghiên cứu chưa đạt chuẩn học thuật. Hạn chế này cho thấy sinh viên chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực sử dụng tiếng Anh phục vụ mục đích học thuật và chuyên môn của cả hai CTĐT (CĐR 12 của chương trình Sư phạm tiếng Anh và CĐR 11 của chương trình Ngôn ngữ Anh).

Một hạn chế khác là kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu khoa học của sinh viên còn yếu, đặc biệt ở khả năng đọc – hiểu số liệu và diễn giải kết quả nghiên cứu. Đồng thời, sinh viên cũng chưa thể hiện rõ năng lực làm việc nhóm và tư duy phản biện trong các hoạt động nghiên cứu, thường rụt rè khi thảo luận, nhận xét hoặc đóng góp ý kiến cho sản phẩm của bạn học. Những biểu hiện này cho thấy sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực làm việc nhóm, phản biện và giao tiếp học thuật theo chuẩn đầu ra của cả hai chương trình (CĐR 10 của chương trình Sư phạm tiếng Anh và CĐR 9 của chương trình Ngôn ngữ Anh).

Cuối cùng, một hạn chế mang tính nền tảng là sinh viên còn thiếu năng lực tự học, tự đánh giá, tự định hướng và tự phát triển năng lực nghiên cứu. Đây là năng lực then chốt liên quan đến mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp mà cả hai CTĐT đều yêu cầu sinh viên đạt được (CĐR 14 của chương trình Sư phạm tiếng Anh và CĐR 14 của chương trình Ngôn ngữ Anh).

Sự thiếu hụt của sinh viên so với chuẩn đầu ra cũng được các giảng viên xác nhận trong phỏng vấn, khi họ có chung nhận định rằng những năng lực nghiên cứu cốt lõi vẫn chưa được hình thành đầy đủ ở người học. Mặc dù sinh viên đã học lý thuyết về nghiên cứu khoa học, giảng viên đều cho rằng các em còn thiếu khả năng tư duy nghiên cứu, kỹ năng đọc – hiểu tài liệu học thuật và chuyên hóa ý tưởng thành sản phẩm nghiên cứu cụ thể. “Các em đọc bài nghiên cứu nhưng không biết cách

rút ra khoảng trống hay ý nghĩa của nghiên cứu ấy” (GV1). Một giảng viên khác bổ sung: “Nhiều em nhầm lẫn giữa câu hỏi nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, hoặc viết mục tiêu kiểu chung chung, không đo lường được” (GV3). Ngoài ra, sinh viên gặp khó khăn với vốn từ vựng học thuật, kỹ năng viết lại, và dễ mắc lỗi đạo văn do chưa biết cách trích dẫn chuẩn xác: “Không ít bài viết lấy thông tin từ nhiều nguồn nhưng không hề ghi tài liệu tham khảo” (GV5).

3.1.2.3. Đề xuất đối với tài liệu giảng dạy

Tất cả giảng viên đều đề xuất cần có một bộ học liệu thống nhất, mạch lạc, được thiết kế theo đúng quy trình nghiên cứu khoa học gồm các bước: chọn đề tài – câu hỏi nghiên cứu – tổng quan tài liệu – phương pháp – thu thập và phân tích dữ liệu – báo cáo nghiên cứu. Một giảng viên nhận xét: “Hiện nay mỗi người dạy một kiểu, nếu có tài liệu chung theo từng bước thì sinh viên sẽ dễ theo hơn” (GV2). Về hình thức, học liệu mới nên bao gồm slide bài giảng, phiếu bài tập (worksheets), bài mẫu (sample papers), mẫu biểu/đề cương (templates), bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), và tài liệu hướng dẫn chi tiết từng bước (step-by-step guidelines) và đặc biệt là các ví dụ xuất phát từ các nghiên cứu khoa học đáng tin cậy làm cơ sở minh họa (GV4). Một giảng viên khác nhấn mạnh học liệu nên hướng đến sản phẩm cuối cùng: “Nếu tài liệu hướng dẫn tới việc viết đề cương nghiên cứu thì sinh viên vừa học vừa làm sẽ hiệu quả hơn” (GV3).

3.1.3. Kết quả từ phân tích CDR của CTĐT Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh

Phân tích chuẩn đầu ra của hai CTĐT Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh cho thấy cả hai đều đặt ra các yêu cầu liên quan trực tiếp đến những năng lực học thuật cốt lõi của học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học tiếng Anh, bao gồm tư duy nghiên cứu, sử dụng tiếng Anh học thuật, làm việc nhóm – phản biện và năng lực tự học.

Đối với chương trình Sư phạm tiếng Anh, các yêu cầu này được thể hiện thông qua các chuẩn đầu ra về vận dụng kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm, thiết kế tài liệu học tập (CDR 5, CDR 6), năng lực làm việc nhóm và tư duy phản biện (CDR 10), sử dụng tiếng Anh học thuật trong viết và trình bày các sản phẩm chuyên môn (CDR 11, CDR 12), cũng như năng lực tự học và học tập suốt đời (CDR 14).

Trong khi đó, chương trình Ngôn ngữ Anh nhấn mạnh năng lực vận dụng kiến thức cơ sở ngành vào hoạt động học tập và nghiên cứu (CDR 3), ứng dụng công nghệ thông tin (CDR 7), làm việc nhóm và tư duy phản biện (CDR 9), sử dụng tiếng Anh học thuật (CDR 11), và năng lực tự học, tự định hướng phát triển nghề nghiệp (CDR 14).

Tổng hợp cho thấy, mặc dù có khác biệt về định hướng đào tạo, cả hai chương trình đều hướng tới ba nhóm năng lực chung: (1) kiến thức và tư duy nghiên cứu, (2) kỹ năng ngôn ngữ và học thuật phục vụ nghiên cứu, và (3) năng lực tự học, phản biện và hợp tác. Việc đối chiếu các chuẩn đầu ra này với kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy tồn tại khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng của chương trình đào tạo và năng lực thực tế của sinh viên, qua đó làm rõ sự cần thiết của việc phát triển học liệu phù hợp cho học phần.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Câu hỏi nghiên cứu 1: Những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học nào là cần thiết đối với sinh viên?

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy sinh viên và giảng viên cùng thống nhất rằng những kỹ năng nền tảng trong nghiên cứu khoa học bao gồm: lựa chọn đề tài, xác định vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, viết tổng quan tài liệu, lựa chọn thiết kế phương pháp, phân tích dữ liệu và trích dẫn học thuật chuẩn. Các kỹ năng này đều đạt điểm trung bình trên 4,1, với hơn 80% sinh viên đánh giá là “quan trọng” hoặc “rất quan trọng.”

Khi đối chiếu với chuẩn đầu ra của hai CTĐT, có thể thấy các kỹ năng nghiên cứu được xác định hoàn toàn tương thích với các năng lực mà chương trình yêu cầu. Cụ thể, các kỹ năng liên quan đến xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế và triển khai nghiên cứu phản ánh yêu cầu về năng

lực vận dụng kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm của chương trình Sư phạm tiếng Anh (CĐR 5, CĐR 6), đồng thời phù hợp với yêu cầu về năng lực vận dụng kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động học tập và nghiên cứu của chương trình Ngôn ngữ Anh (CĐR 3).

Bên cạnh đó, các kỹ năng viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và trình bày nghiên cứu gắn trực tiếp với yêu cầu về năng lực sử dụng tiếng Anh học thuật của cả hai CTĐT (CĐR 11, CĐR 12 của Sư phạm tiếng Anh; CĐR 11 của Ngôn ngữ Anh). Đồng thời, việc phân tích dữ liệu, thảo luận kết quả và phản ánh ý nghĩa nghiên cứu cũng phù hợp với các chuẩn đầu ra liên quan đến năng lực làm việc nhóm, tư duy phản biện và tự học, tự phát triển chuyên môn của sinh viên (CĐR 10, CĐR 14 của Sư phạm tiếng Anh; CĐR 9, CĐR 14 của Ngôn ngữ Anh).

Kết quả này khẳng định rằng năng lực nghiên cứu của sinh viên cần được hình thành theo quy trình tuân tự và tích hợp, thay vì chỉ dừng ở mức ghi nhớ khái niệm. Việc đồng nhất giữa nhận thức của người học – người dạy và mục tiêu trong CĐR cũng cho thấy nền tảng thuận lợi để phát triển tài liệu giảng dạy theo định hướng năng lực.

3.2.2. Câu hỏi nghiên cứu 2: Sinh viên hiện đang thiếu những gì so với chuẩn đầu ra?

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, sinh viên vẫn gặp nhiều hạn chế trong quá trình thực hành. Kết quả khảo sát cho thấy họ thiếu kỹ năng tìm kiếm và xử lý tài liệu học thuật, viết tổng quan tài liệu, xác định câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu, cũng như vận dụng lý thuyết vào thực hành.

Khi đối chiếu với chuẩn đầu ra của hai CTĐT, có thể thấy sinh viên chưa đáp ứng đầy đủ một số năng lực cốt lõi. Cụ thể, các hạn chế trong việc thiết kế và triển khai nghiên cứu cho thấy sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực vận dụng kiến thức chuyên ngành của chương trình Sư phạm tiếng Anh (CĐR 5, CĐR 6) và năng lực vận dụng kiến thức cơ sở ngành của chương trình Ngôn ngữ Anh (CĐR 3). Bên cạnh đó, những khó khăn trong làm việc nhóm trong các hoạt động học tập và nghiên cứu phản ánh sự chưa đạt chuẩn về năng lực làm việc nhóm và tư duy phản biện của sinh viên Ngôn ngữ Anh (CĐR 9).

Ngoài ra, các hạn chế về sử dụng từ vựng học thuật, viết và trình bày kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực sử dụng tiếng Anh học thuật của cả hai CTĐT (CĐR 11, CĐR 12 của Sư phạm tiếng Anh; CĐR 11 của Ngôn ngữ Anh). Cuối cùng, việc thiếu năng lực tự học và tự định hướng nghiên cứu cho thấy sinh viên chưa đạt chuẩn về năng lực tự học suốt đời theo chuẩn đầu ra của cả hai chương trình (CĐR 14).

Sự đối chiếu giữa kết quả khảo sát, phỏng vấn và phân tích CĐR cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa năng lực kỳ vọng và năng lực thực tế. Hạn chế của sinh viên không chỉ mang tính kỹ năng cá nhân mà còn xuất phát từ việc thiếu học liệu thống nhất và định hướng thực hành nghiên cứu rõ ràng, dẫn đến khó đạt chuẩn đầu ra về năng lực nghiên cứu. Do đó, việc thiết kế tài liệu học tập có tính hệ thống, gắn với thực tiễn và có hướng dẫn từng bước là cần thiết để hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn năng lực nghiên cứu theo chương trình đào tạo.

3.2.3. Câu hỏi nghiên cứu 3: Giảng viên và sinh viên mong muốn tài liệu học tập cần có những nội dung gì?

Cả hai nhóm đối tượng đều mong muốn một bộ học liệu được thiết kế theo quy trình nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh, gồm các bước từ chọn đề tài, đặt câu hỏi nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế phương pháp, thu thập và phân tích dữ liệu, đến viết báo cáo khoa học. Ngoài lý thuyết, học liệu cần bao gồm mẫu đề cương, bài nghiên cứu mẫu, bảng tiêu chí đánh giá, bài tập tình huống và ví dụ minh họa gắn với bối cảnh Việt Nam.

Khi đối chiếu với chuẩn đầu ra của hai CTĐT, có thể thấy những yêu cầu này phù hợp chặt chẽ với năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên. Cụ thể, việc học liệu được thiết kế theo từng bước nghiên cứu đáp ứng yêu cầu về năng lực vận dụng kiến thức chuyên ngành và thiết kế hoạt động chuyên môn của chương trình Sư phạm tiếng Anh (CĐR 5, CĐR 6), đồng thời hỗ trợ năng lực vận dụng kiến thức cơ sở ngành trong học tập và nghiên cứu của chương trình Ngôn ngữ Anh (CĐR 3).

Bên cạnh đó, việc tích hợp bài mẫu, tiêu chí đánh giá và hướng dẫn tự học trong học liệu phù hợp với yêu cầu về năng lực sử dụng tiếng Anh học thuật (CĐR 11, CĐR 12 của chương trình Sư phạm tiếng Anh; CĐR 11 của chương trình Ngôn ngữ Anh), cũng như năng lực tự học, tự định hướng và phát triển nghề nghiệp của sinh viên ở cả hai CTĐT (CĐR 14).

Như vậy, việc kết hợp kết quả từ khảo sát, phỏng vấn và phân tích CĐR đã cho phép nghiên cứu đưa ra cái nhìn toàn diện và nhất quán về những năng lực nghiên cứu cần hình thành, những thiếu hụt hiện tại và hướng thiết kế tài liệu phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình. Những kết quả này cũng có quan điểm của Hutchinson và Waters [7] rằng phân tích nhu cầu hiệu quả cần xem xét đồng thời ba yếu tố cần thiết - thiếu hụt - mong muốn (necessities – lacks – wants) trong mối liên hệ với chuẩn đầu ra của chương trình, từ đó bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu khóa học và bối cảnh học tập thực tế.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích toàn diện nhu cầu của sinh viên và giảng viên đối với học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học tại Trường Ngoại ngữ – Đại học Thái Nguyên bằng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp khảo sát, phỏng vấn và phân tích CĐR của hai CTĐT Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh.

Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần nhưng còn gặp khó khăn trong việc chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành thực hành nghiên cứu. Các kỹ năng được đánh giá là quan trọng nhất gồm lựa chọn đề tài, xây dựng câu hỏi nghiên cứu, viết tổng quan tài liệu, thiết kế phương pháp, phân tích dữ liệu và trích dẫn học thuật. Tuy nhiên, sinh viên vẫn còn thiếu vốn từ vựng học thuật, kỹ năng viết nghiên cứu, và khả năng cấu trúc một báo cáo khoa học hoàn chỉnh.

Khi đối chiếu với CĐR của chương trình đào tạo, kết quả cho thấy có khoảng cách giữa năng lực kỳ vọng và năng lực hiện có, đặc biệt ở các năng lực vận dụng lý thuyết vào thực hành nghiên cứu, sử dụng tiếng Anh học thuật và phát triển tư duy phản biện – tự học. Giảng viên cũng phản ánh những khó khăn tương tự trong giảng dạy do thiếu tài liệu thống nhất, còn phụ thuộc vào giáo trình nước ngoài và thiếu ví dụ phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Cả hai nhóm đối tượng đều thống nhất về nhu cầu xây dựng bộ tài liệu địa phương hóa cho học phần, được thiết kế theo quy trình nghiên cứu khoa học từng bước, có bài mẫu, phiếu bài tập, bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và sản phẩm đầu ra như đề cương hoặc dự án nghiên cứu nhỏ. Kết quả nghiên cứu vì thế khẳng định tính cấp thiết và khả thi của việc biên soạn tài liệu giảng dạy mới, góp phần hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu khoa học theo đúng định hướng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Trên phương diện học thuật, nghiên cứu này mở rộng hướng tiếp cận truyền thống về phân tích nhu cầu tại Việt Nam bằng việc tích hợp phân tích CĐR vào khung nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods), qua đó góp phần làm phong phú cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thiết kế học liệu định hướng năng lực trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh.

4.2. Kiến nghị

4.2.1. Đối với việc xây dựng tài liệu học phần

Để đảm bảo học liệu được xây dựng theo đúng tiến trình của một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh, cấu trúc các mô-đun học phần được đề xuất được trình bày trong Bảng 4.

Mỗi mô-đun cần được thiết kế bao gồm phần lý thuyết và phần thực hành gắn với tiến trình nghiên cứu khoa học. Sau mỗi bài học, sinh viên phải hoàn thành một phần của sản phẩm tiểu luận (ví dụ: lựa chọn đề tài, viết câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung tổng quan tài liệu, thiết kế phương pháp,...), nhằm đảm bảo quá trình học tập diễn ra theo hướng tích lũy từng bước và hướng tới sản phẩm cuối cùng.

Bên cạnh đó, mỗi mô-đun nên tích hợp ví dụ từ các nghiên cứu hoàn chỉnh, bài tập cá nhân/nhóm, tình huống nghiên cứu, cùng với tiêu chí đánh giá sản phẩm tương ứng. Việc kết hợp

các thành phần này không chỉ hỗ trợ sinh viên hiểu lý thuyết mà còn thúc đẩy khả năng vận dụng vào thực hành nghiên cứu một cách hiệu quả.

Bảng 4. Cấu trúc các mô-đun học phần theo tiến trình nghiên cứu khoa học được đề xuất

Mô-đun	Nội dung
1	Giới thiệu về nghiên cứu khoa học
2	Đạo đức trong nghiên cứu
3	Vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu
4	Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu
5	Thiết kế nghiên cứu
6	Phương pháp chọn mẫu
7	Công cụ thu thập dữ liệu
8	Độ giá trị và độ tin cậy
9	Phân tích dữ liệu định lượng và định tính
10	Xây dựng đề cương nghiên cứu

4.2.2. Đối với giảng viên

Giảng viên cần thống nhất sử dụng chung bộ tài liệu để đảm bảo tính đồng bộ giữa các lớp học. Bên cạnh đó, việc tăng cường phương pháp dạy học qua dự án sẽ giúp sinh viên chuyển từ hiểu lý thuyết sang thực hành nghiên cứu. Các công cụ như Google Classroom, Turnitin, Mendeley hoặc Canva Class nên được lồng ghép để hỗ trợ sinh viên trong quản lý tài liệu, trích dẫn và tránh đạo văn. Ngoài ra, giảng viên nên tham gia các buổi tập huấn hoặc chia sẻ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực hướng dẫn nghiên cứu và sử dụng hiệu quả tài liệu mới.

Lời cảm ơn

Bài báo này là sản phẩm thuộc đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mã số NNCS 2521 do Nguyễn Thị Minh Loan chủ trì, thực hiện trong thời gian 04/2024 – 03/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] A. Burns, *Doing Action Research in English Language Teaching*. Routledge, 2010.
- [2] J. W. Creswell, *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches*, 4th ed. Sage, 2014.
- [3] R. T. Bonganciso, “Enhancing teachers’ research skills: A project Research Capability Program (ReCaP),” *Kasetsart Journal of Social Sciences*, vol. 45, no. 1, pp. 139–146, 2023.
- [4] B. Tomlinson, *Developing Materials for Language Teaching*, 2nd ed. Bloomsbury Academic, 2013.
- [5] K. Graves, *Designing Language Courses: A Guide for Teachers*. Heinle & Heinle, 2000.
- [6] A. Aydın and C. Aytekin, “Teaching materials development and meeting the needs of the subject: A sample application,” *International Education Studies*, vol. 11, no. 8, pp. 27-38, 2018, doi: 10.5539/ies.v11n8p27.
- [7] T. Hutchinson and A. Waters, *English for Specific Purposes: A Learning-Centred Approach*. Cambridge University Press, 1987.
- [8] H. H. Dewi, “English Materials Development for an Undergraduate Communication Study Program: A Need Analysis in Indonesian Context,” *LLT: A Journal on Studies in English Language and Teaching*, vol. 11, no. 2, pp. 69-91, 2023.
- [9] H. M. Asim, M. Shafiq, and R. Hussain, “A review on outcome-based education and factors that impact student learning outcomes in tertiary education system,” *International Education Studies*, vol. 14, no. 2, pp. 1–11, 2022, doi: 10.5539/ies.v14n2p1.
- [10] L. Damayanti, I. Emaliana, and I. N. Kusumawardani, “Textbook Evaluation According to Outcome-Based Education (OBE) Principles,” *OKARA: Journal Bahasa Dan Sastra*, vol. 15, no. 1, pp. 143-161, 2021, doi: 10.19105/ojbs.v15i1.3778.
- [11] V. Braun and V. Clarke, “Using thematic analysis in psychology,” *Qualitative Research in Psychology*, vol. 3, no. 2, pp. 77–101, 2006, doi: 10.1191/1478088706qp063oa.